

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN BÌNH
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27-5-2025

V/v: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH - TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Anh Đào

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Quốc Trung
2. Ông Lục Văn Khai

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Đức Định – Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tham gia phiên toà:
Ông Hoàng Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2025/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025 về việc: “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2025 và **Thông báo mở lại phiên toà số: 19/TB-TA ngày 08 tháng 5 năm 2025**; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Kim Thị B, sinh năm 1979. Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

- Bị đơn: Anh Trương Xuân P, sinh năm 1978. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Kim Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trương Xuân P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái ngày 30-11-1999. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh P hay rượu chè về đánh đập chị dẫn đến vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hoà hợp, mỗi người mỗi ý, không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã tự hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là tháng

11/2024, chị đã nộp đơn ly hôn đến Toà án nhân dân huyện Yên Bình, sau đó anh P có hứa thay đổi, khắc phục nên chị đã rút đơn về đoàn tụ. Tuy nhiên, sau khi về đoàn tụ anh P vẫn không thay đổi, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị không thể hàn gắn khắc phục được nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh Trương Xuân P.

Về con chung: Chị và anh Trương Xuân P có 03 con chung là Trương Thúy P1, sinh ngày 07-02-2001, Trương Thanh T, sinh ngày 19-10-2003 và Trương Khánh L, sinh ngày 17-4-2015. Ly hôn, cháu P1 và cháu T đã trưởng thành nên không đặt vấn đề giải quyết, còn cháu L vẫn còn nhỏ thì chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay chị đang làm lao động tự do tại địa phương. Thu nhập bình quân là 5.000.000đ/tháng. Chị đảm bảo các điều kiện kinh tế để nuôi con. Về chỗ ở, chị và con ở tại nhà đất của vợ chồng tại thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo đơn nguyện vọng của cháu Trương Khánh L nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh P nhưng anh P không đến tòa để giải quyết việc chị B xin ly hôn anh nên không có lời khai của anh P, anh P không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng : Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; **Điều 238**; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; **Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14** ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kim Thị B để xử cho chị B được ly hôn với anh Trương Xuân P. Về nuôi con chung: Chấp nhận đề nghị về nuôi con chung của chị Kim Thị B. Giao con chung là Trương Khánh L, sinh ngày 17-4-2015 cho chị Kim Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh Trương Xuân P không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: Chị Kim Thị B phải chịu tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Trương Xuân P có hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

Nguyên đơn chị Kim Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Trương Xuân P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Yên Bình xét xử vắng mặt chị B, anh P là đúng quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Kim Thị B và anh Trương Xuân P kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái ngày 30 tháng 11 năm 1999. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị B xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh P hay rượu chè về đánh đập chị dẫn đến vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hoà hợp, mỗi người mỗi ý, không có tiếng nói chung. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Kim Thị B và anh Trương Xuân P đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, anh P không có mặt để hoà giải thể hiện anh P không có thiện chí hoà giải. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị B là có căn cứ, cần được chấp nhận. Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị Kim Thị B được ly hôn anh Trương Xuân P.

[3] Về con chung: Chị B và anh P có 03 con chung là Trương Thúy P1, sinh ngày 07-02-2001, Trương Thanh T, sinh ngày 19-10-2003 và Trương Khánh L, sinh ngày 17-4-2015. Cháu P1 và cháu T đã trưởng thành nên không đặt vấn đề giải quyết. Ly hôn, chị B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Khánh L đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét đề nghị của B về nuôi con thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, chị B đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu nuôi con của mình thể hiện chị B có việc làm, thu nhập và chỗ ở ổn định để nuôi con. Mặt khác, anh P không có ý kiến gì về vấn đề nuôi con, cháu Trương Khánh L có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo về mọi mặt sinh hoạt và học tập của con cần giao cháu Trương Khánh L cho chị Kim Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tại phiên tòa về quan hệ hôn nhân và nuôi con chung là phù hợp, có căn cứ theo quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Kim Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 **Điều 27** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Kim Thị B được ly hôn anh Trương Xuân P.

2. Về con chung: Giao con chung là Trương Khánh L, sinh ngày 17-4-2015 cho chị Kim Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh Trương Xuân P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Kim Thị B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số AA/2024/**0000410** ngày 04/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình. (Xác nhận chị B đã nộp đủ).

Chị Kim Thị B và anh Trương Xuân P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, **7a** và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Yên Bình;
- Chi cục THADS huyện Yên Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Hương;
- Lưu HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Anh Đào